

Reetech

*Chất lượng Không khí
Chất lượng Sống*

FCU ĐẶT ĐỨNG TRÊN SÀN

FCU Floor standing type AC

Model: **RSW**



TÍNH NĂNG / FEATURES

- * Chế độ hoạt động tiết kiệm (Economy running mode)
- * Hẹn giờ hoạt động (Timing operation)
- * Điều khiển bằng nút nhấn (Button control)
- * Ba tốc độ quạt kèm chức năng tự động điều chỉnh (3 speed & auto model)
- * Cánh đảo gió tự động (Auto swing)

TUỶ CHỌN / OPTIONS

- * Bộ điều khiển không dây (Wireless controller)
- * Coil sơn phủ chống ăn mòn (Coil PU powder coating)

FCU đặt đứng trên sàn

FCU Floor standing type AC

Model dàn lạnh (Indoor unit model)		RS80W-L1E	RS100W-L1E	RS120W-L1E	RS160W-L1E
Công suất lạnh (Nominal cooling capacity)	Btu/h	80,000	100,000	120,000	160,000
	kW	23.4	29.3	35.2	46.9
Công suất sưởi (Heating Capacity 2a*)	Btu/h	89,900	114,700	128,700	182,300
	kW	26.3	33.6	3,737.0	53.4
Công suất điện (Power input)	kW	7.53	10.06	11.25	15.41
Lưu lượng gió (Air flow rate)	m ³ /h	4,100	5,400	6,100	7,400
Nguồn điện (Power supply)	V/Ph/Hz	220V/1Ph/50Hz			
Ống nước (Water pipe), ren ngoài (MPT)	mm	42	42	42	49
Ống nước xả (Drain pipe), ren ngoài (MPT)	mm	27	27	27	34
Độ ồn dàn lạnh (Indoor unit noise)		59	61	63	65
Quạt dàn lạnh (Indoor fan)	Loại (Type)	Quạt ly tâm dẫn động trực tiếp (Direct drive centrifugal fan)			
	Số lượng (Q.ty)	2	2	3	3
	Vật liệu (Material)	Nhựa (plastic)			
Motor quạt dàn lạnh (ID fan motor)	Loại (Type)	3 tốc độ (3- Speed)			
	Số lượng (Q.ty)	2	2	3	3
	Nguồn điện (Power supply)	V/Ph/Hz 220V/1Ph/50Hz			
	Công suất (Power input)	W	2x200	2x200	(2x200)+ 94
	Dòng điện định mức (RLA)	A	2.8x2	2.8x2 + 0.9	2.8x3
Lưu lượng nước (Water Flow Rate)	l/s	1.12	1.39	1.68	2.22
Water Pressure Drop (Water pressure drop)	KPa	30	17	25	20
Trọng lượng tịnh dàn lạnh (Net weight indoor unit)	kg	115	190	198	220

1*) Công suất lạnh danh định dựa trên các điều kiện : nhiệt độ gió hồi 27°C nhiệt độ bầu khô, 19°C nhiệt độ bầu ướt, nhiệt độ nước vào 7°C, nhiệt độ nước ra 12°C
Cooling capacity are base on conditions return air temp. (DB/WB) 27°C / 19°C, water inlet 7°C, water outlet 12°C

2*) Công suất sưởi dựa trên các điều kiện: nhiệt độ gió hồi (DB) 20°C nhiệt độ nước vào (DB) 45°C (2a), 60°C (2b)
Cooling capacity are base on conditions return air temp. (DB/WB) 27°C / 19°C, water inlet 7°C, water outlet 12°C

* Lưu lượng gió được đo ở điều kiện coil khô, động cơ chạy tốc độ cao nhất và tại cột áp tĩnh ngoài trời 0(Pa)
Airflow: At high speed fan - under dry coil condition, at 0(Pa) external static pressure

* Dàn trao đổi nhiệt hiệu suất cao ống đồng lá fin nhôm
Efficiency is higher with copper tube and aluminium fin

* Động cơ được bôi trơn vĩnh viễn, hiệu suất cao, độ ồn thấp, với bộ bảo vệ quá nhiệt bên trong
Motor : Motor with permanently lubricated, high efficiency, low noise, safety with internal thermally protector.



Điều khiển từ (lựa chọn)
Wireless remote control
(Option)



Ba tốc độ quạt kèm chức năng
tự động điều chỉnh
3 speed & auto mode



Tự chọn chế độ hoạt động
Auto operation



Chức năng khử ẩm
Drying operation mode



Lọc sạch không khí
Air filtering



Cánh đảo gió tự động
Auto swing



Hẹn giờ hoạt động
Timing operation



Chế độ hoạt động êm dịu
Sleep Operation



Chống các tác nhân gây ăn mòn và
chịu được môi trường vùng biển
Anti-rust even in the seashore area



Mặt nạ dễ dàng tháo ráp để lau chùi
Easy-cleaned Panel

Để cải tiến tốt hơn có thể một số đặc tính kỹ thuật trên đã được thay đổi / Please understand that changes may be made to the content of this brochure.
Items related to guarantees or performance are based on contact and specification documents.